

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2026/HS-ST

Ngày: 15/5/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên và ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 267/2026/TLST-HS ngày 16/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2026/QĐXXST-HS ngày 29/4/2026 đối với các bị cáo:

1. Lý Nhật T1, sinh ngày 23/02/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A N, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Nhật H (đã chết) và bà Huỳnh Thị Ngọc H1, sinh năm 1971; sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị Cẩm L (là bị cáo trong vụ án, không đăng ký kết hôn); có 01 con sinh năm 2015; tiền sự: không;

Tiền án: Tại bản án số 53/2021/HSST ngày 12/3/2021, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2024, chưa xóa án tích.

Nhân thân:

- Tại bản án số 165/2011/HSST ngày 22/7/2011, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013, đã xóa án tích.

- Tại bản án số 216/2016/HSST ngày 14/12/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2017, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/9/2024 (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thị Tuyết T2, sinh ngày 30/6/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 102/26 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 1 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: D T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: D T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1963; có chồng Trần Trọng H2, sinh năm 1983; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/9/2024 (có mặt tại phiên tòa).

3. Huỳnh Thị Cẩm L, sinh ngày 21/5/1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: F T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: F T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Thợ làm móng tay; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 1971; sống chung như vợ chồng với Lý Nhật T1 (là bị cáo trong vụ án, không đăng ký kết hôn); có 02 con sinh năm 2013 và năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/9/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2: Ông Nguyễn Xuân P2, Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: C L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Minh L1, sinh năm 1990; địa chỉ: 2 Khu phố B, Phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 201/8 Khu phố B, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm T3, sinh năm 1984; địa chỉ: 2 Khu phố B, Phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 201/8 Khu phố B, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Lâm Giang Hữu D, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp D, Xã V, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp D, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang) (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/9/2024, tổ công tác Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà số D T, phường T, Quận A kiểm tra Trần Thị Tuyết T2 do nghi vấn liên quan đến ma túy. Qua làm việc, T2 thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy và tự giao nộp 01 gói nylon bên trong có 07 gói nylon đựng ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,2242 gam do T2 cất giấu trong túi xách nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an Q1 phát hiện Lý Nhật T1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, màu đen, biển số 59G2-289.57 chở Huỳnh Thị Cẩm L đang dừng tại trước nhà số D T, phường T, Quận A nên tiến hành kiểm tra. Lúc này, L dùng tay trái thả xuống đất 01 gói nylon đựng ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 9,9333 gam nên tổ công tác thu giữ vật chứng và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng là ma túy thu giữ của Trần Thị Tuyết T2, Lý Nhật T1, Huỳnh Thị Cẩm L đã được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định và xác định khối lượng, chủng loại ma túy như đã nêu trên tại Kết luận giám định số 11104/KL-KTHS ngày 27/9/2024 và số 11103/KL-KTHS ngày 27/9/2024.

Quá trình mở rộng điều tra xác định:

Khoảng tháng 02/2024, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, T1 trở về sinh sống cùng L. Trong thời gian này do không có việc làm ổn định nên T1 nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại kiếm lời. Thông qua mối quan hệ xã hội, T1 biết người tên T4 (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0776943137 bán ma túy nên đã liên hệ để mua ma túy về bán lại khi có người hỏi mua. Thời gian này, L biết T1 bán ma túy nhưng không tham gia phụ giúp. Khoảng tháng 5/2024, T1 đã bán ma túy cho nhiều người, trong đó có Trần Thị Tuyết T2. T1 đã bán ma túy cho T2 được 04 lần (T1 và T2 không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể), mỗi lần mua ma túy, T2 sử dụng số điện thoại 0708982079 gọi vào số điện thoại 0777936241 của T1 đặt mua 10 gam ma túy loại Methamphetamine và hẹn giao ma túy tại hẻm S T, phường T, Quận A. Sau khi T2 đặt mua ma túy, T1 liên hệ T4 mua 10 gam ma túy với giá 3.000.000 đồng rồi bán lại cho T2 với giá 4.000.000 đồng, hưởng lợi 1.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy của T1, T2 đem về nhà chia ra nhiều gói nhỏ để bán lại, T2 bán hết 10 gam ma túy thu được 6.000.000 đồng, hưởng lợi 2.000.000 đồng. Mỗi lần có khách hỏi mua ma túy, T2 hẹn khách đến trước nhà số D T, phường T, Quận A để bán và nhận tiền mặt. Lần cuối T2 đặt mua ma túy của T1 là khoảng giữa tháng 8/2024, T1 bán cho T2 10 gam ma túy với giá 4.000.000 đồng. Số ma túy này, T2 đã bán cho nhiều người, đến ngày 19/9/2024 còn lại 07 gói ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 2,2242 gam chưa kịp bán thì bị Công an kiểm tra, thu giữ.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 19/9/2024, có khách gọi điện cho T1 hỏi mua 10 gam ma túy loại Methamphetamine, T1 đồng ý. Sau đó, T1 nói cho L biết việc có khách mua ma túy, T1 một mình điều khiển xe mô tô biển số 59G2-289.57 đi gặp T4 mua 01 gói ma túy có khối lượng 10 gam. Khoảng 05 phút sau, T1 về chở

L cùng đi giao ma túy cho khách. Trên đường đi, T1 lấy gói ma túy trong túi quần phía sau bên trái đưa cho L cầm để khi gặp khách thì L đưa gói ma túy cho khách. Khi đến trước nhà số D T, phường T, Quận A thì bị lực lượng Công an dừng xe yêu cầu kiểm tra. Lúc này, do sợ bị phát hiện nên L thả gói ma túy đang cầm trên tay trái xuống đất cách xe mô tô biển số 59G2-289.57 khoảng 50cm và bị phát hiện, thu giữ như trên. L không biết T1 mua gói ma túy với giá bao nhiêu, mua của ai và không biết bán lại với giá bao nhiêu. L không hưởng lợi gì từ việc T1 bán ma túy, đây là lần đầu L phụ giúp T1 bán ma túy cho khách.

Đối với đối tượng tên “T4” (có số điện thoại 0776943137) bán ma túy cho Lý Nhật T1, Cơ quan điều tra có công văn yêu cầu Công ty D1 KV2 xác minh thông tin chủ thuê bao, hiện chưa có kết quả trả lời; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với những người nghiện mua ma túy của Trần Thị Tuyết T2, Lý Nhật T1, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án: 02 gói niêm phong là ma túy còn lại sau giám định. Thu giữ của Trần Thị Tuyết T2: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ; 01 túi nhỏ màu nâu xám. Thu giữ của Lý Nhật T1: 01 xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59G2-289.57, số khung: MH1KF112XHK134201, số máy: KF11E2131445; số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen. Thu giữ của Huỳnh Thị Cẩm L: 01 điện thoại di động hiệu S.

Tại bản Cáo trạng số 931/CT-VKS-P1 ngày 15/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251; bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của các bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lý Nhật T1 từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết T2 từ 16 năm đến 16 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy 02 gói niêm phong có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 4322/24 là ma túy còn lại sau giám định; 01 túi nhỏ màu nâu xám. Thu giữ của Lý Nhật T1: số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen. Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 59G2-289.57, số khung: MH1KF112XHK134201, số máy: KF11E2131445 trong thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng báo để trả lại, nếu không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Huỳnh Thị Cẩm L 01 điện thoại di động hiệu S.

Các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, không tranh luận.

Luật sư Nguyễn Xuân P2 trình bày bài bào chữa cho các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2 thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên đối với các bị cáo vì các lần mua bán ma túy của các bị cáo đã được cộng dồn để tính là định khung hình phạt theo khung hình phạt cao hơn. Việc mua bán ma túy và số ma túy Viện kiểm sát truy tố là do các bị cáo tự khai ra hành vi trước đó và đều không thu giữ được ma túy, các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra. Bị cáo T1 có 01 tiền án, nhưng đã thành khẩn khai báo, mua bán ma túy nhỏ lẻ, không cầm đầu đường dây lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo T2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn có 04 con nhỏ, bị cáo đang bị ung thư vú (đã nộp bổ sung cho Hội đồng xét xử xem xét), khi công an đến khám xét, bị cáo tự giao nộp số ma túy còn cất giữ nên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T2 mức hình phạt dưới khung hình phạt bị truy tố.

Các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2 thống nhất với bài bào chữa của Luật sư, không tranh luận bổ sung.

Đôi đáp lại quan điểm của các luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Về tình tiết tăng nặng, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, mỗi lần phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với các tình tiết giảm nhẹ khác mà Luật sư trình bày thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án. Sau khi xem xét hồ sơ bệnh án của bị cáo T2, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo T2 từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất, vật chứng thu giữ, kết luận giám định,... Do đó, đã có đủ cơ sở xác định:

Từ khoảng tháng 5/2024 đến khoảng giữa tháng 8/2024, Lý Nhật T1 đã có hành vi bán ma túy 04 lần (mỗi lần 10 gam ma túy loại Methamphetamine) cho Trần Thị Tuyết T2, mỗi lần bán hưởng lợi 1.000.000 đồng, tổng khối lượng ma túy T1 bán cho T2 là 40 gam loại Methamphetamine. Ngoài ra, ngày 19/9/2024 tại khu vực phường T, Quận A, Lý Nhật T1 cùng với Huỳnh Thị Cẩm L cất giữ 9,9333 gam ma túy loại Methamphetamine đi bán cho người chưa rõ danh tính thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ.

Trần Thị Tuyết T2 có hành vi mua ma túy của Lý Nhật T1 để bán lại kiếm lời, T2 đã mua ma túy của T1 04 lần, mỗi lần 10 gam, tổng khối lượng mua ma túy của T1 là 40 gam loại Methamphetamine, T2 đã bán cho nhiều người, còn lại 2,2242 gam ma túy loại Methamphetamine chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an thu giữ, tổng số tiền T2 hưởng lợi do bán ma túy là 8.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2024, Huỳnh Thị Cẩm L đã cùng T1 đi bán ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 9,9333 gam cho người chưa rõ danh tính thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ.

[3] Toàn bộ số ma túy thu giữ của các bị cáo được giám định, kết quả thể hiện tại bản Kết luận giám định số 11104/KL-KTHS ngày 27/9/2024 và số 11103/KL-KTHS ngày 27/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: 01 gói niêm phong có chữ ký Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 3422/24 chứa 9,8117 gam ma túy Methamphetamine thu giữ của Lý Nhật T1, Huỳnh Thị Cẩm L còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong có chữ ký Giám định viên Nguyễn Thanh Đ1 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 3423/24 chứa 2,0631 gam ma túy Methamphetamine thu giữ của Trần Thị Tuyết T2 còn lại sau giám định.

Như vậy, bị cáo Lý Nhật T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với 49,9333 gam loại Methamphetamine gồm: 04 lần bán ma túy cho T2, mỗi lần 10 gam và số ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang. Bị cáo Trần Thị Tuyết T2 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với 04 lần mua ma túy của T1 để bán lại kiếm lời, mỗi lần 10 gam, tổng cộng là 40 gam loại Methamphetamine, còn lại 2,2242 gam loại Methamphetamine chưa kịp bán thì bị thu giữ khi khám xét. Bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi giúp sức cho Lý Nhật T1 bán ma túy với khối lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang là 9,9333 gam, loại Methamphetamine.

[4] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [3] có đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251; bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L là rất nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt

ng nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lý Nhật T1 có nhân thân xấu từng nhiều lần bị xử phạt tù về nhiều tội danh khác nhau, nhưng sau khi được tái hòa nhập cộng đồng lại tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo là người bất chấp và coi thường pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lý Nhật T1 phạm tội 02 lần trở lên và có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị Tuyết T2 phạm tội 02 lần trở lên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét trong quá trình điều tra các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2 tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội trước đó chưa bị phát hiện và bị truy tố về hành vi phạm tội với tổng khối lượng ma túy của các lần cộng lại, phạm tội từ 02 lần trở lên. Việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của mình mà chưa bị phát hiện được coi là các bị cáo đã tự thú. Căn cứ khoản 16 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, xét bị cáo Trần Thị Tuyết T2 có hoàn cảnh gia đình khó khăn có 04 con nhỏ, bị cáo đang bị ung thư vú nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định khi quyết định hình phạt cho các bị cáo như sau:

Trong vụ án này, bị cáo Lý Nhật T1 là người cung cấp nguồn ma túy để bán lại kiếm lời, T1 đã bán cho Trần Thị Tuyết T2 04 lần, số lượng ma túy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự lớn hơn so với các bị cáo T2, L. Ngoài ra, bị cáo T1 còn lôi kéo bị cáo L cùng phạm tội, bản thân bị cáo có nhân thân xấu nên mức án đối với bị cáo cần phải nghiêm khắc hơn so với các bị cáo T2, L trong vụ án. Các bị cáo T1, L phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhưng cần áp dụng

quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo. Bị cáo T1 là người chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo L cùng phạm tội, bị cáo L phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cất giữ ma túy và cùng T1 đi giao ma túy cho người mua nên cần xử phạt mỗi bị cáo với mức hình phạt phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để nộp vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T2 và bị cáo L.

[10] Về hành vi của các đối tượng liên quan:

Đối với đối tượng tên “T4” (có số điện thoại 0776943137) bán ma túy cho Lý Nhật T1, Cơ quan điều tra có công văn yêu cầu Công ty D1 KV2 xác minh thông tin chủ thuê bao, nhưng chưa có kết quả trả lời, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với những người nghiện mua ma túy của Trần Thị Tuyết T2, Lý Nhật T1, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo Lý Nhật T1 khai nhận đã bán ma túy cho người khác và được hưởng lợi 4.000.000 đồng, bị cáo Trần Thị Tuyết T2 được hưởng lợi 8.000.000 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và 01 túi nhỏ màu nâu xám không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Lý Nhật T1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của Huỳnh Thị Cẩm L không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ thu giữ của bị cáo Trần Thị Tuyết T2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen thu giữ của Lý Nhật T1. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, đây là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59G2-289.57, số khung: MH1KF112XHK134201, số máy: KF11E2131445 thu giữ của Lý Nhật T1. Qua xác minh xe do Nguyễn Thị Cẩm T3 đứng tên sở hữu. Bà T3 khai nhận mua xe

vào tháng 8/2017, đến tháng 9/2023, bà T3 và chồng là ông Phan Minh L1 đã lập hợp đồng ủy quyền bán xe cho ông Lâm Giang Hữu D nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Cơ quan điều tra đã gửi công văn xác minh ghi lời khai ông D để làm rõ nhưng chưa có kết quả trả lời. Lý Nhật T1 khai mua xe mô tô trên từ người đàn ông (không rõ lai lịch), không lập hợp đồng mua bán. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. Do chủ khai đã bán xe, hiện chưa xác định được người sở hữu, người quản lý hợp pháp ở đâu nên cần giao cho Cơ quan thi hành án tiếp tục đăng báo để tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trong thời hạn 01 năm để trả lại, nếu không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lý Nhật T1 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Lý Nhật T1 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết T2 15 (mười lăm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2024.

3. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Cẩm L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2024.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Lý Nhật T1 phải nộp lại số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, bị cáo Trần Thị Tuyết T2 phải nộp lại số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 3422/24; 01 gói niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Giám định viên Nguyễn Thanh Đ và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 3423/24; 01 túi nhỏ màu nâu xám.

- Trả lại cho Lý Nhật T1 số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 357680886711348, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

- Trả lại cho Huỳnh Thị Cẩm L: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số I: 354903978266879.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, số Imei: 868683043111099, số Imei 2: 868683043111081 và 01 điện thoại di động hiệu S, Imei 1: 354130542544140.

- Giao cho Cơ quan thi hành án đăng báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp để trả lại trong thời hạn 01 năm, nếu hết thời hạn trên mà không có người đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước, đối với: 01 xe mô tô biển số 59G2-289.57, số khung: MH1KF112XHK134201, số máy: KF11E2131445 trong thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng báo để trả lại, nếu không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

(Các vật chứng trên theo Phiếu nhập kho vật chứng số 79/2025/PNK-THAHS ngày 13/02/2025 và Lệnh nhập kho vật chứng số 266/LNK-ĐCSMT ngày 10/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Lý Nhật T1, Trần Thị Tuyết T2, Huỳnh Thị Cẩm L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Minh L1, bà Nguyễn Thị Cẩm T3, ông Lâm Giang Hữu D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- TAND TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM; (3)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (12)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (4)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/40) (5)

Phan Sỹ Hùng